TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 467/2021/QĐST–HNGĐ	*Quận 7, ngày 15 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự về Hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" thụ lý số 367/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thi Ngọc L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Phường T, Quận B, Thành phố H;

Bị đơn: Ông Lê Hồng P, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Phường T, Quận B, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 33, Khoản 1 Điều 51, các điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Hồng P và bà Huỳnh Thi Ngọc L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Thi Ngọc L và ông Lê Hồng P, thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 127/2004, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An cấp ngày 16/11/2004.

Về con chung: Bà Huỳnh Thi Ngọc L và ông Lê Hồng P có 02 (Hai) con chung là trẻ Lê Huỳnh Hồng A sinh ngày 11 tháng 9 năm 2008 và trẻ Lê Huỳnh Hoài A sinh ngày 03 tháng 11 năm 2013. Ông Lê Hồng P và bà Huỳnh Thị

Ngọc L đồng ý giao con chung cho bà Huỳnh Thi Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Hồng P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Cấp dưỡng vào ngày 01 (dương lịch) hàng tháng bắt đầu thi hành vào tháng 12 năm 2021 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Lê Hồng P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Lê Hồng P phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Lê Hồng P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bà Huỳnh Thị Ngọc L không được dùng quyền nuôi con để cản trở việc thăm nuôi, chăm sóc giáo dục con chung của ông Lê Hồng P.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, Không yêu cầu tòa án giải quyết

Cụ thể như sau:

1/ Căn hộ Gold view A1.18.14 theo HD: A1.18.14/2016/HĐMB/MD-TGV, Phường X, Quận Y, Thành phố H. Tài sản này bàn giao cho bà Huỳnh Thị Ngọc L quản lý, sử dụng và có toàn quyền định đoạt sau ly hôn.

2/ Quyền sử dụng đất, thửa 1762, tờ bản đồ số 7 tại ấp 5, xã K, huyện B, Thành phố H. Tài sản này bàn giao cho ông Lê Hồng P quản lý, sử dụng và có toàn quyền định đoạt sau ly hôn.

3/ Quyền sử dụng đất 460/2018 ngày 28/12/2018 theo Hợp đồng số P4/HD2015 ngày 29 tháng 10 năm 2015 Khu Quy hoạch dân cư cán bộ chiến sĩ tại xã K huyện B, Thành phố H. Tài sản này bàn giao cho bà Huỳnh Thị Ngọc L quản lý, sử dụng và có toàn quyền định đoạt sau ly hôn.

4/ Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắng liền với đất. Thửa đất số 21, tờ bản đồ 19. Căn hộ xxx Khu căn hộ cao cấp Hoàng Anh Gia Lai 2, phường H, Quận B, Thành phố H. Tài sản này bàn giao cho ông Lê Hồng P quản lý, sử dụng và có toàn quyền định đoạt sau ly hôn.

5/ Quyền sử dụng đất thửa đất số 1495, tờ bản đồ số 6 tại ấp 1, xã H, huyện G, tỉnh A. Tài sản này bàn giao cho bà Huỳnh Thị Ngọc L quản lý, sử dụng và có toàn quyền định đoạt sau ly hôn.

6/ Xe 5 chỗ Mercedes, biển số 51G- xxxxx. Tài sản này được sử dụng chung để đưa đón con đi học và đi chơi khi cần. Quản lý và sử dụng tài sản này sau ly hôn giao cho bà Huỳnh Thị Ngọc L, Trong thời gian bà Huỳnh Thị Ngọc L chưa có bằng lái xe ông Lê Hồng P tạm thời quản lý khi bà Huỳnh Thị Ngọc L có bằng lái xe ông Lê Hồng P sẽ chuyển cho bà Huỳnh Thị Ngọc L để quản lý và sử dụng.

7/ Bà Huỳnh Thị Ngọc L có trách nhiệm chuyển cho ông Lê Hồng P số tiền mặt là 900.000.000 (Chín trăm triệu đồng) đồng sau khi ly hôn.

Kể từ ngày ông Lê Hồng P có đơn yêu cầu thi hành án bà Huỳnh Thị Ngọc L chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự có hiêu lực pháp luật bà Huỳnh Thị Ngọc L thanh toán hết số tiền 900.000.000 đồng cho ông Lê Hồng P thì ông Lê Hồng P có trách nhiệm cùng bà Huỳnh Thị Ngọc L liên hệ cơ quan có thẩm quyền cập nhật biến động chủ sở hữu tài sản các bên đã thỏa thuận nêu trên. hoặc ông Lê Hồng P và bà Huỳnh Thị Ngọc L được quyền tự mình liên hệ cơ quan có thẩm quyền cập nhật biến động chủ sở hữu tài sản các bên đã thỏa thuận nêu trên

Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Huỳnh Thị Ngọc L tự nguyện chịu được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0013562 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của chi cục thi hành án dân sự Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7;
- Ủy ban nhân dân xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT, (TK Thơm)

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Bùi Viết Bình